

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 7412 /BC-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021

Căn cứ Kế hoạch số 15965/KH-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2021.

Thực hiện công văn số 1890/SNV-TT ngày 11/5/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn báo cáo định kỳ kết quả cải cách hành chính;

Sở Tài chính báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, kiểm soát TTHC

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy về thực hiện cải cách hành chính; Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của UBND tỉnh, năm 2021, Sở Tài chính đã xây dựng, ban hành các kế hoạch về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 tại cơ quan như sau:

+ Kế hoạch số 540/KH-STC ngày 28/01/2021 về cải cách hành chính năm 2021 của Sở Tài chính;

+ Kế hoạch số 541/KH-STC ngày 28/01/2021 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Tài chính;

+ Kế hoạch số 542/KH-STC ngày 28/01/2021 về thông tin tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Tài chính;

+ Kế hoạch số 543/KH-STC ngày 28/01/2021 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của Sở Tài chính năm 2021

+ Kế hoạch số 939/KH-STC ngày 23/02/2021 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2021;

+ Kế hoạch số 231/KH-STC ngày 14/01/2021 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021.

- Sở Tài chính đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 cho đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao nhận thức và vị trí vai trò, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Qua đó đề cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính.

- Trên cơ sở kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2020, Sở Tài chính đã tổ chức đánh giá các mặt làm được và hạn chế trong công tác Cải cách hành chính của đơn vị, từ đó đề ra các giải pháp để khắc phục, cải thiện. Đồng thời thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Sở (tại quyết định số 18/QĐ-STC ngày 26/01/2021) để tham mưu Ban Giám đốc Sở trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan và công tác cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, trên website Sở: <http://stc.dongnai.gov.vn> và trên trang dịch vụ công trực tuyến dùng chung của tỉnh Đồng Nai.

2. Về thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát TTHC

Công tác thanh tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính được chú trọng thực hiện; tiếp tục thực hiện các nội dung thanh tra, kiểm tra bám sát và tập trung vào thanh tra chức năng, nhiệm vụ của từng phòng; trách nhiệm người đứng đầu bộ phận, chức trách công vụ của công chức, giải quyết thủ tục hành chính.

Căn cứ Kế hoạch số 542/KH-STC ngày 28/01/2021 về Kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Tài chính, trong năm 2021, công tác kiểm tra cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện như sau:

Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra	Thời gian thực hiện	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra
Các phòng thuộc Sở	Hàng tuần	Kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan	

3. Về công tác tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC

Thực hiện tuyên truyền các tin bài về Cải cách hành chính, đăng lên Trang

thông tin điện tử Sở Tài chính. Đồng thời, tuyên truyền việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở qua hình thức trực tuyến thông qua các thông báo như 3787/TB-STC ngày 10/6/2021, 4757/STC-VP ngày 20/7/2021, 6181/TB-STC ngày 18/10/2021.

Qua công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức về trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại.

Tăng cường sự hiểu biết của người dân, tổ chức về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, thúc đẩy người dân, tổ chức tham gia góp ý, hoàn thiện thủ tục hành chính, giám sát đội ngũ cán bộ công chức trong quá trình thực thi công vụ.

4. Sáng kiến cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm 2021, Lãnh đạo Sở Tài chính đã chỉ đạo tăng cường công tác cải cách hành chính tại cơ quan, trọng tâm là kiểm tra giám sát các đơn vị phòng ban trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực phụ trách. Đồng thời, đề nghị cán bộ, công chức căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và chương trình công tác năm 2021 đăng ký sáng kiến, cải tiến cải cách hành chính tại công văn số 2070/STC-VP ngày 14/4/2021.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT TTHC

1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy pháp luật

a) Tham mưu ban hành văn bản pháp luật (đối với sở, ban, ngành) và ban hành văn bản pháp luật (đối với UBND cấp huyện), cụ thể:

Tính đến nay, Sở Tài chính đã tham mưu ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐND ngày 12/03/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước; điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 1).

Đồng thời, Sở Tài chính đang hoàn thiện 09 tờ trình, dự thảo để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021. Cụ thể: Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2021 (đợt 2); Nghị quyết về đánh giá thực hiện thu chi NSNN năm 2021 và xây dựng dự toán thu NSNN, chi NSDP, phân bổ ngân sách tỉnh, bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2022; Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách

nhà nước năm 2020; Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022; Nghị quyết quy định về chính sách cấp bù giá đất tái định cư, chính sách hỗ trợ tiền hạ tầng tái định cư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết về kế hoạch tài chính ngân sách giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết về chính sách hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2022.

b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:

- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm tra, rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động quản lý, điều hành Sở Tài chính đã ban hành kế hoạch 231/KH-STC ngày 14/01/2021 triển khai thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2021.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Sở theo quy định hiện hành.

c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật.

- Sở Tài chính đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 231/KH-STC ngày 14/01/2021 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021

- Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật được thực hiện thường xuyên, toàn diện, gắn với công tác chuyên môn, nhiệm vụ của phòng. Chất lượng văn bản ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật, tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và đảm bảo công khai, minh bạch.

- Hoạt động tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã có Luật điều chỉnh và đi vào nề nếp tạo được sự phối hợp giữa các Sở, ngành.

- Các ý kiến thẩm định của Sở, ngành đã được Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, do đó quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành đảm bảo chặt chẽ, chi tiết, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành được thực hiện ngay không cần hướng dẫn thực hiện. Các văn bản thuộc trách nhiệm của Sở Tài chính chủ trì tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành đều được thực hiện đúng quy trình, tiến độ.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn được Ban lãnh đạo Sở chú trọng và quan tâm. Sở đã phân công 01 đồng chí phó giám đốc trực tiếp

lãnh đạo, chỉ đạo việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Khi có khiếu nại, tố cáo, người được phân công phụ trách đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, đôn đốc giải quyết theo thẩm quyền các nội dung liên quan đến bảo vệ người tố cáo, tháo gỡ khó khăn, uồn nản vi phạm của cấp dưới.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác công khai thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/04/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khác của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Sở Tài chính đã hoàn thành rà soát danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính và UBND các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai, hoàn thành dự thảo và trình UBND tỉnh phê duyệt bộ thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trong tháng 9/2021.

- Ngày 06/10/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định số 3861/QĐ-UBND về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Sở Tài chính thực hiện 26 thủ tục hành chính (25 thủ tục mức độ 4, 01 thủ tục mức độ 3).

- Trong năm 2021, Sở Tài chính đã kiến nghị, xây dựng phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính (Thủ tục mua quyền hóa đơn) tại văn bản 4678/STC-VP ngày 14/7/2021. Cụ thể, kiến nghị cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục là 01 ngày làm việc, qua đó cắt giảm được 20% chi phí thực hiện.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.2.1. Tổ chức hoạt động bộ phận một cửa

- Đến hết ngày 31/5/2021, tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính được ủy quyền cho Bưu điện tỉnh tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai.

- Từ ngày 1/6/2021, Sở Tài chính đã triển khai việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua hộp thư điện tử (Email) hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 5740/UBND-HCC ngày 26/5/2021.

2.2.2. Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Qua kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân tại Trung tâm Hành chính công, tính đến thời điểm báo cáo thì công tác tiếp nhận và trả kết quả chưa phát sinh những trường nào không hài lòng; tỷ lệ hài lòng đạt 100%.

Trong năm 2021, Sở Tài chính có 01 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn (01 ngày), do cán bộ chuyên quản đang thực hiện nhiệm vụ biệt phái hỗ trợ công tác thu hồi đất, bồi thường, tái định cư thuộc Dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh nên không kịp thời thao tác trên phần mềm một cửa.

Ngoài ra, theo ghi nhận tại Hệ thống một cửa điện tử, còn có 02 hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực Tin học – Thống kê. Tuy nhiên đối với 02 hồ sơ này, Sở Tài chính không giải quyết do đã cấp mã số dự án trong năm 2020 và đã trả hồ sơ theo đúng thời gian quy định. Do đó, Sở Tài chính không ghi nhận đây là hồ sơ trễ hạn.

2.3. Công tác giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính

Trong năm 2021, Sở Tài chính không tiếp nhận bất kỳ phản ánh nào.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy, cụ thể:

Nội dung	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1. Số phòng thuộc Sở	7	7
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	0	0

- Thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp:

Tổng số biên chế, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp, số lao động được giao			Tổng số đang thực hiện		
Biên chế hành chính		Số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp	Biên chế hành chính		Số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
<i>Biên chế</i>	<i>Hợp đồng lao động</i>		<i>Biên chế</i>	<i>Hợp đồng lao động</i>	
81	7	0	81	5	0

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của đơn vị:

Thực hiện quyết định số 440/QĐ-STC ngày 28/8/2020 của Sở Tài chính về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Tài chính, trên cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc Sở và cơ chế phối hợp công tác, các phòng đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao. Cụ thể:

+ Đã nâng cao tính tự giác, tự chịu trách nhiệm của cán bộ công chức trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

+ Xây dựng mối quan hệ công tác, làm việc trên cơ sở đoàn kết nội bộ, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Việc tổ chức thực hiện công tác đánh giá Phòng chống tham nhũng hàng năm diễn ra 01 lần. Những nội dung liên quan đến công khai công tác tổ chức – cán bộ, cải cách hành chính, kê khai tài sản thu nhập do bộ phận Văn phòng Sở Tài chính thực hiện báo cáo đầy đủ; công khai công tác sửa đổi hoàn thiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai dự toán, quyết toán năm trong lĩnh vực tài chính ngân sách do phòng Quản lý Ngân sách Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xây dựng thực hiện; công khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Phòng chống tham nhũng, thực hiện chế độ thông tin báo cáo, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực tài chính, thu hồi do sai phạm của đối tượng thanh tra và do Thanh tra Sở thực hiện và đều được báo cáo đầy đủ về Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ tổng hợp khi có văn bản, kế hoạch triển khai của tỉnh và Thanh tra Chính phủ. Trong năm 2021, Sở Tài chính không phát hiện các trường hợp tham nhũng xảy ra.

Việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Thi đua khen thưởng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Tình hình thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ:

Nội dung	Số lượng đề nghị	Số lượng được phê duyệt	Tỷ lệ
Công chức	0	0	
Viên chức	0	0	
Tổng	0	0	

b) Về thực hiện phân cấp quản lý

Việc phân cấp quản lý đã phát huy quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, trong phê duyệt, thẩm định hồ sơ đấu thầu mua sắm tài sản và trong kiểm soát giá trong mua, bán, thanh

lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc trang bị, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 về việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của Sở Tài chính. Tuy nhiên, các vị trí công tác tại Sở Tài chính thuộc danh mục phải định kỳ chuyển đổi và để phù hợp với các quy định mới liên quan đến tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý; Sở Tài chính đã có tờ trình số 5541/TTr-STC ngày 23/8/2021 về việc điều chỉnh khung năng lực vị trí việc làm của đơn vị.

- Hoàn thành việc xây dựng kế hoạch biên chế năm 2022 tại văn bản số 2566/STC-VP ngày 07/5/2021 của Sở Tài chính.

- Hiện tại, số biên chế công chức của Sở Tài chính là 81/81 biên chế (theo Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh).

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:

- Căn cứ Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021, cụ thể là kế hoạch số 580, 581/KH-STC ngày 29/01/2021 về việc đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2025. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng chú trọng tập trung trau dồi, nâng cao kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý cũng như bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, văn hóa công sở; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại....

- Trong năm 2021, Sở Tài chính đã cử cán bộ công chức tham gia các lớp: bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 2, bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán viên...

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-C ngày 24/4/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016:

- Sở Tài chính hiện không có đơn vị trực thuộc theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.

- Căn cứ nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh

phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020 tại văn bản số 3209/STC-TCHCSN ngày 20/5/2021.

b) Các Sở, ban ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW:

- Sở Tài chính hiện không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Căn cứ nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 9777/KH-UBND ngày 16/8/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Sở Tài chính còn ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Kế hoạch số 9777/KH-UBND, văn bản đôn đốc các đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động:

- Sở Tài chính đã triển khai và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản Egov để quản lý công văn và hồ sơ công việc. Từ đó giúp cho việc theo dõi tiến độ công việc được dễ dàng, tăng tính chủ động của cán bộ công chức trong xử lý công việc.

- Xây dựng các biểu mẫu trực tuyến dựa trên bộ công cụ Google Spreadsheet. Trong đó xây dựng các biểu báo cáo theo mẫu của Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 145/2016/TT-BTC, Thông tư số 90/2016/TT-BTC kèm theo hiệu chỉnh các nội dung chưa sát/chưa phù hợp với thực tế. Mục đích để các đơn vị nhập liệu trực tuyến, rút ngắn thời gian tổng hợp số liệu.

- 21/21 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý sử dụng chữ ký số, chứng thư số, đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra Sở Tài chính đã áp dụng chữ ký số vào việc xác thực văn bản đi, các hồ sơ thủ tục hành chính để tăng tính xác thực của văn bản.

- Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính đáp ứng yêu cầu: nội dung kịp thời, đầy đủ thông tin, thuận tiện cho người dùng truy cập và khai thác thông tin.

- Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Sở Tài chính đã triển khai hệ thống VPN để hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc trực tuyến tại nhà.

b) Triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trên cơ sở ứng dụng CNTT sử dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm

của Hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt tích cực.

- Công tác xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch cải cách hành chính theo đúng chỉ đạo của cấp trên.

- Việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công được thực hiện đúng theo quy định và lộ trình của tỉnh. Các hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng thời gian, hiệu quả, đảm bảo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, Do đó tỷ lệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tăng dần theo thời gian.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn được quan tâm và thực hiện tốt.

- Công tác xây dựng, nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, công chức được chú trọng, quan tâm thực hiện.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC, kiểm soát TTHC

- Vẫn còn có tình trạng hồ sơ trễ hạn do cán bộ xử lý không kịp thời thao tác trên phần mềm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2022.

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát, theo dõi quá trình xử lý văn bản của các phòng trên hệ thống Egov, triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Thường xuyên rà soát Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, trong đó tập trung cập nhật các thủ tục (bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ) của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thường xuyên kiểm tra chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan.

- Cập nhật các tin, bài theo kế hoạch đề ra lên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, thực hiện công khai theo quy định.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, không để xảy ra trường hợp cán bộ công chức nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân khi đến giải quyết các thủ tục hành chính.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Tài chính. Đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh
- Sở Nội vụ;
- Các phòng thuộc Sở
- BGĐ Sở;
- Lưu VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Thị Hương Bình

PHỤ LỤC I
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH

(kèm theo báo cáo số ⁴/₄₁₂ /BC-STC ngày 10 tháng 1 năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đạt/ không đạt Kế hoạch
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	19	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	01	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	01	
1.3.	Truyền thông về cải cách hành chính, kiểm soát TTHC			
1.3.1.	Tin bài trên Cổng thông tin điện tử	Bài viết	12	
1.3.2.	Chuyên mục phát sóng trên đài truyền hình	Chương trình	0	
1.3.3.	Hình thức tuyên truyền khác: hội thi, hội thảo, chương trình đối thoại, ...	Chương trình	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	2	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đạt/ không đạt Kế hoạch
	lý sau kiểm tra, rà soát			
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC (<i>Các Sở báo cáo</i>)			
3.1.1	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	23	
3.1.2	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	09	
3.1.3	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	26	
3.2.	Số TTHC thực hiện liên thông			
	Cùng cấp	Thủ tục	10	
	Liên cấp xã – huyện – tỉnh	Thủ tục	0	
3.3.	Tỷ lệ thủ tục kiến nghị đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.4.	Số TTHC có cung cấp hồ sơ mẫu	Thủ tục	26	
3.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do đơn vị, địa phương tiếp nhận giải quyết đúng hạn		99,9%	
3.6	Thực hiện tiếp nhận, trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích			
3.6.1	Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ	74	
3.6.2	Số hồ sơ trả qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ	0	
3.7	Tỷ lệ phản ánh kiến nghị được giải quyết đúng hạn	%	-	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số phòng ban	Cơ quan, đơn vị	07	
4.1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đạt/ không đạt Kế hoạch
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	81	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	81	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	05	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,9%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	0	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	-	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Vị trí việc làm của cơ quan hành chính	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành.= 0	1	
5.1.2	Số đơn vị SNCL trực thuộc đã ban hành đề án VTVL	Đơn vị	0	
5.1.3	Tỷ lệ công chức bố trí đúng vị trí việc làm	%	100%	
5.1.4	Tỷ lệ viên chức bố trí đúng vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp	%	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đạt/ không đạt Kế hoạch
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	-	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành, UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở, ngành, UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
5.5.	Số liệu về đào tạo bồi dưỡng			
5.5.1.	Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị	Người	6	
5.5.2.	Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp	Người	6	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đạt/ không đạt Kế hoạch
	ng nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên			
5.6.	Chất lượng cán bộ, công chức cấp xã (UBND cấp huyện báo cáo)			
5.6.1	Số lượng cán bộ cấp xã	Người	-	
	Số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn	Người	-	
5.6.2	Số lượng công chức cấp xã	Người	-	
	Số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn	Người	-	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.6.	Ban hành tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật	Đã ban hành = 1; Chưa ban hành = 0	0	
7.	Hiện đại hoá nền hành chính			
7.1.	Xây dựng CSDL chuyên ngành			
	Có CSDL chuyên ngành	Có =1; Không	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đạt/ không đạt Kế hoạch
		= 0		
	Kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL chuyên ngành khác	Có =1; Không = 0	0	
7.2.	Sử dụng Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0 Có = 1	1	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0; Đã thực hiện = 1	1	
7.4.	Tỷ lệ phòng ban, đơn vị trực thuộc được cấp chứng thư số.	%	100%	
7.4.1.	Tỷ lệ lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện sử dụng chữ ký số	%	100%	
7.4.2.	Tỷ lệ lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở, UBND cấp huyện huyện sử dụng chữ ký số	%	100%	
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.4.1	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100%	
7.4.2	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	20%	
7.6.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.6.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	01	
7.6.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	25	
7.6.3.	Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ	Thủ tục	10	
7.6.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	96,6%	
7.6.5.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	89,3%	

PHỤ LỤC 4 CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(kèm theo báo cáo số 7412/BC-STC ngày 1 tháng 1 năm 2021 của Sở Tài chính)

1. Kết quả thực hiện

a) Tổ chức thực hiện công tác tài chính – ngân sách.

- Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của kiểm toán Nhà nước (chỉ thực hiện trong báo cáo năm).

b) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

- Ban hành các văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh.

- Thực hiện tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020 tại văn bản số 3209/STC-TCHCSN ngày 20/5/2021.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 9777/KH-UBND ngày 16/8/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Sở Tài chính còn ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Kế hoạch số 9777/KH-UBND, văn bản đôn đốc các đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính.

2. Thống kê số liệu

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	STT	Chỉ tiêu thống kê
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100%	Cơ quan, đơn	3	Sở Tài

	chi thường xuyên và chi đầu tư (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	vị		chính
6.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	54	
6.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	211	
6.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	612	
6.5	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	

3. Tồn tại hạn chế và khó khăn vướng mắc

- Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công lập (ĐMKTKT & GDVSNC) được yêu cầu tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ. Theo đó, Chính phủ yêu cầu các Bộ phải xây dựng và trình Chính phủ sửa đổi, ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực (gồm Giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác). ĐMKTKT & GDVSNC áp dụng để đặt hàng, giao nhiệm vụ theo các nghị định cụ thể trong từng lĩnh vực nêu trên. Tuy nhiên đến nay các bộ mới chỉ tham mưu Chính phủ ban hành được Nghị định số 54/2016/NĐ-CP áp dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP áp dụng trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Các lĩnh vực còn lại (gồm Giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí) chưa có nghị định ban hành nên các đơn vị vẫn còn bị động, lệ thuộc vào cơ chế tài chính cũ tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Ngoài ra, do các quy định pháp lý chưa đầy đủ nên việc xây dựng, ban hành và sử dụng ĐMKTKT & GDVSNC còn tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho đơn vị thực thi ở địa phương. Cụ thể như sau:

+ Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật còn đòi hỏi rất nhiều nghiên cứu khoa học và tiềm ẩn rủi ro pháp lý cho đơn vị thực thi do các quy định pháp lý chưa đầy đủ. Cụ thể như sau:

- ĐMKTKT & GDVSNC có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần tại các đơn vị cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở đó, định mức kinh tế kỹ thuật và giá dịch vụ sự nghiệp công là những quy phạm pháp luật theo khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, việc ban hành ĐMKTKT & GDVSNC đòi hỏi rất nhiều cơ sở pháp lý để ban hành. Tuy nhiên hiện nay hầu như chưa có văn bản pháp lý cụ thể nào hướng dẫn về trình tự ban hành ở cấp địa phương, đặc biệt là ở các khía cạnh: (1) nội hàm, khái niệm của ĐMKTKT & GDVSNC, (2) thủ tục xây dựng ĐMKTKT & GDVSNC, (3) phương pháp xây dựng ĐMKTKT & GDVSNC.

- (1): Khái niệm, nội hàm về định mức kinh tế kỹ thuật có thể phổ biến trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực xây dựng; tuy nhiên lại chưa được hướng dẫn cụ thể trong các lĩnh vực sự nghiệp công khác dẫn đến nhiều đơn vị có sự nhầm lẫn giữa định mức chi với định mức kinh tế kỹ thuật. Trên thực tế, UBND tỉnh Đồng Nai đã có 03 Quyết định số 3676/QĐ-UBND ngày 02/11/2016, Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 02/3/2018, Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực công thương, nông nghiệp & phát triển nông thôn, bảo tồn thiên nhiên văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên các quyết định trên chỉ đề cập lại các định mức chi đã có theo các thông tư của các cơ quan trung ương, không thể áp dụng để xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp.

- (2): Như trường hợp đã nêu trên trong lĩnh vực y tế, định mức kinh tế - kỹ thuật rất phức tạp và dễ dẫn đến bất đồng ý kiến khi thanh toán; các bên thanh toán cũng dễ gặp phải bất đồng ý kiến với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về sau. Do đó cần phải có hướng dẫn chi tiết về thủ tục ban hành ĐMKTKT & GDVSNC. Tuy nhiên hiện nay gần như chưa có hướng dẫn như vậy đối với các lĩnh vực sự nghiệp công ở cấp chính quyền địa phương. Công tác xây dựng dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật gồm những bước nào; công tác thẩm định dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật thuộc thẩm quyền của những cơ quan, đơn vị nào, thực hiện qua mấy bước; hội đồng thẩm định (nếu có) gồm những thành phần nào...đều là những khó khăn mà các cơ quan tỉnh Đồng Nai gặp phải trong quá trình ban hành ĐMKTKT & GDVSNC. Do định mức kinh tế kỹ thuật là cơ sở cho các nhiệm vụ chi từ ngân sách nhà nước, chính quyền địa phương khi chưa được hướng dẫn bằng văn bản cụ thể của các bộ ngành về những thủ tục pháp lý nêu trên sẽ không đủ cơ sở để ban hành ĐMKTKT & GDVSNC.

- (3): Theo Điều 6 Thông tư số 47/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công thương Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trong lĩnh vực sự

ng nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương¹, có 3 phương pháp để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật ở Bộ Công Thương (hiện chưa được hướng dẫn có bao nhiêu phương pháp có thể sử dụng ở địa phương). Do có nhiều phương pháp để xây dựng nên dễ dẫn đến nhiều kết quả khác nhau, cần phải có sự đánh giá toàn diện và đảm bảo tính khoa học để lựa chọn được phương án hợp lý nhất. Tuy nhiên công tác xây dựng, thẩm định ĐMKTKT & GDVSNC ở địa phương được giao cho các sở ngành vốn chưa được qua đào tạo kỹ thuật và chưa có kiến thức khoa học để thẩm định, định lượng các tiêu hao nguyên liệu, vật tư, lao động trực tiếp, lao động quản lý... nên không đủ nguồn lực và chuyên môn để thẩm định, ban hành ĐMKTKT & GDVSNC.

- Quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP nêu: “... Đối với đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phân loại là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, không được điều chỉnh phân loại sang đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, trong giai đoạn ổn định phân loại 3 năm hoặc sau giai đoạn ổn định 3 năm”:

+ Quy định không được điều chỉnh hạ mức tự chủ khiến đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên gặp khó khăn khi có thay đổi làm giảm số thu dự nghiệp.

- Công thức đánh giá mức độ tự chủ đơn vị sự nghiệp quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP chưa phù hợp khi có nhiều đơn vị có thặng dư hoạt động dịch vụ lớn nhưng số thặng dư này thường xuyên biến động nên nếu dựa vào công thức đánh giá cũ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP sẽ làm giảm số ngân sách cấp để thực hiện các nhiệm vụ chính trị cơ bản của đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Kiến nghị hướng dẫn triển khai ban hành định mức kinh tế kỹ thuật ở lĩnh vực sự nghiệp kinh tế:

+ Quy trình ban hành ĐMKTKT thực hiện theo hướng: Cơ quan được giao xây dựng ĐMKTKT chịu trách nhiệm hoàn toàn về dự thảo ĐMKTKT trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành; hay cần thiết lập một hội đồng thẩm tra ĐMKTKT để đánh giá chất lượng dự thảo ĐMKTKT trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành?

+ Việc xây dựng và ban hành ĐMKTKT ở địa phương có cần được quy định bởi văn bản quy phạm pháp luật hay không?

¹ Thông tư này chỉ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương, không áp dụng cho địa phương.

+ Trường hợp cần thành lập hội đồng thẩm tra ĐMKTKT trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh, kính đề nghị quý cơ quan có ý kiến hướng dẫn về (1) tiêu chí đánh giá chất lượng của dự thảo ĐMKTKT, (2) thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm tra, (3) số lượng thành viên & thành phần hội đồng từ những cơ quan chức năng nào, (4) phân công nhiệm vụ thẩm tra giữa các thành viên hội đồng.

- Kiến nghị điều chỉnh loại bỏ nội dung không được điều chỉnh hạ mức tự chủ khiến đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Kiến nghị sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP./.